

Bản án số: 98/2021/HS-ST
Ngày: 26/10/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Hải**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Nguyễn Thế Nam**

2/ Bà Chu Hạ Uyên

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Quang Trực**

- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 26/10/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2021/TLST-HS ngày 23/07/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/QĐXXST-HS ngày 20/08/2021, thông báo dời lịch xét xử số 30/TB-VA ngày 18/10/2021 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ KIM C1, sinh năm 1988, tại Hậu Giang; HKTT: Ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: Khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn O, sinh năm: 1963; Con bà: Cao Thị X, sinh năm: 1957; Chồng: Huỳnh Văn T, sinh năm: 1985 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 04/5/2021 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. TRẦN THỊ C2, sinh năm: 1981, tại Đồng Tháp; HKTT: Ấp Tân T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: tiếp viên; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn E, sinh năm: 1953 (chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1954; Có chồng: Trần Văn H, sinh năm: 1982; Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/4/2021, đến ngày 05/5/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Khánh (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim C1 và Trần Thị C2 có mối quan hệ quen biết với nhau và đã nhiều lần đánh bạc với nhau bằng hình thức ghi số đề. Khi muốn đánh đề C2 sử dụng số điện thoại 0933467515 do C2 sử dụng nhắn tin đánh đề với C1 qua số điện thoại 0937465341 do C1 sử dụng, sau khi nhận được tin nhắn của C2, C1 đồng ý sẽ nhắn lại “ok” vào số điện thoại của C2. Để xác định việc trúng đề các bị cáo sẽ lấy kết quả số xổ của đài miền Bắc (đài Hà Nội) và đài miền Nam (gồm các đài Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang) để so sánh và số tiền đánh bạc sẽ không tiến hành giao trực tiếp mà sau khi có kết quả xổ số sẽ tính ăn thua và trả tiền vào sáng ngày hôm sau. Nếu đánh bao lô khi trúng số tiền trúng sẽ được nhân lên 70 lần còn nếu đánh cặp số đá thì số tiền khi trúng sẽ được nhân lên 600 lần.

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 26/4/2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh bắt quả tang C1 có hành vi dùng số điện thoại 0937465341 ghi số đề cho C2 qua số điện thoại 0933467515, kiểm tra điện thoại của C1 và C2 thể hiện nội dung đánh đề như sau:

Ngày 25/4/2021, lúc 15 giờ 49 phút C2 nhắn tin đánh đề đài Miền Nam (đài Tiền Giang) với C1:

Đánh số 29 bao lô mỗi lô 10.000đ, thành tiền 180.000đ;

Đánh số đá 29.07.52 số tiền 1.000đ thành tiền 108.000đ;

Đánh bao lô số 02 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 44 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 22 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ, C2 trúng được số tiền 1.400.000đ;

Đánh số đá 02.44.22 số tiền 5.000đ thành tiền 540.000đ;

Đánh số đá 33.73.44.21 số tiền 5.000đ thành tiền 1.080.000đ;

Đánh bao lô số 33 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 73 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ, C2 trúng được số tiền 1.400.000đ;

Đánh bao lô số 44 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 21 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 30 mỗi lô 20.000đ thành tiền 360.000đ;

Đánh bao lô số 24 mỗi lô 30.000đ thành tiền 540.000đ, C2 trúng được số tiền 2.100.000đ;

Đánh bao lô số 79 mỗi lô 30.000đ thành tiền 540.000đ;

Đánh bao lô số 48 mỗi lô 50.000đ thành tiền 900.000đ;

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim C1 và bị cáo Trần Thị C2 đánh bạc đài Miền Nam vào ngày 25/4/2021 là 11.668.000đ.

Ngày 25/4/2021, lúc 17 giờ 34 phút C2 nhắn tin đánh đề đài Miền Bắc (đài Hà Nội) với C1:

Đánh bao lô số 39 mỗi lô 50.000đ thành tiền 1.350.000đ;

Đánh số đá 19.25.92.21 số tiền 5.000đ thành tiền 1.620.000đ;

Đánh bao lô số 19 mỗi lô 10.000đ thành tiền 270.000đ;

Đánh bao lô số 25 mỗi lô 10.000đ thành tiền 270.000đ;

Đánh bao lô số 92 mỗi lô 10.000đ thành tiền 270.000đ;

Đánh bao lô số 21 mỗi lô 10.000đ thành tiền 270.000đ, C2 trúng số 21 được 700.000đ

Đánh bao lô số 79 mỗi lô 20.000đ thành tiền 540.000đ;

Đánh số đá 10.37.68 số tiền 1.000đ thành tiền 162.000đ;

Đánh bao lô số 30 mỗi lô 20.000đ thành tiền 540.000đ;

Đánh bao lô số 39 mỗi lô 30.000đ thành tiền 810.000đ;

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim C1 và bị cáo Trần Thị C2 đánh bạc đài Miền Bắc vào ngày 25/4/2021 là 6.802.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 26/4/2021 bị cáo C1 còn trực tiếp đánh đề với một số đối tượng khác (hiện chưa xác định được nhân thân) của đài Miền Nam (đài thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau) qua hình thức nhắn tin cụ thể như sau:

Ghi đề cho 01 người đàn ông tên “S”, đài thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 3.690.000đ; đài miền Bắc số tiền 800.000đ.

Ghi đề cho 01 người đàn ông tên “U”, đài thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Cà Mau, với số tiền 1.140.000đ.

Ghi đề cho 01 người đàn ông tên “P”, đài thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 200.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 81/CT-VKS-HS ngày 22/07/2021; Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số 02/QĐ-VKS-LK ngày 08/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim C1, Trần Thị C2 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 – Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim C1, Trần Thị C2 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Về hình phạt:

- Đối với bị cáo C1: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C1 từ 06 đến 08 tháng tù.

- Đối với bị cáo C2: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thị C2 từ 06 đến 08 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000đ.

* Về vật chứng:

+ Số tiền 8.000.000đ, đề nghị trả lại cho bị cáo C1.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu hồng; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đề nghị tịch thu Sung vào Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 8.115.000đ đề nghị buộc bị cáo C2 nộp và Sung vào Ngân sách nhà nước.

* Lời nói sau cùng:

+ Bị cáo C1: Xin Hội đồng xét xử 01 cơ hội về để chăm sóc 02 con nhỏ.

+ Bị cáo C2: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo đã hối hận và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện:

Vào khoảng 15 giờ 50 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại phòng trọ số 5 của nhà trọ D thuộc khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, Công an thành phố L bắt quả tang Nguyễn Thị Kim C1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề qua tin nhắn điện thoại với Trần Thị C2 lúc 15 giờ 49 phút ngày 25/4/2021 (đài Tiền Giang) với số tiền 11.668.000đ. Đến 17 giờ 34 phút, C1 tiếp tục đánh đề với C2 đài Miền Bắc với số tiền 6.802.000đ.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Kim C1, Trần Thị C2 đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với tổng số tiền đưa vào đánh bạc là 18.470.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C1 và bị cáo C2 thực hiện hành vi đánh bạc 02 lần, 02 đài khác nhau, mỗi lần số tiền đều trên 5.000.000đ nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo C1 chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội khi đang có thai, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, có nơi cư trú rõ ràng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xét không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội và áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đủ nghiêm. Tại phiên tòa, bị cáo C1 khai nhận hiện không có nghề nghiệp nên miễn khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền các bị cáo Nguyễn Thị Kim C1, Trần Thị C2 để sung quỹ Nhà nước theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015

[5] Về vật chứng:

+ Số tiền 8.000.000đ do không đủ căn cứ xác định là tiền sử dụng để đánh bạc hoặc thu lợi bất chính cần trả lại cho bị cáo C1. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên nhằm đảm bảo cho công tác thi hành án.

+ Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám có số thuê bao 0933017907; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu hồng có số thuê bao 0937465341 thu giữ của bị cáo C1; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen có số thuê bao 0933467515 thu giữ của bị cáo C2 là phương tiện phạm tội nên tịch thu Sung vào Ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền 8.115.000đ bị cáo C2 còn nợ bị cáo C1 là tiền dùng để phạm tội cần tịch thu Sung vào Ngân sách nhà nước.

[6] Đối với hành vi ghi đề của bị cáo C1 với các đối tượng tên “U”; “P”; “S” vào ngày 26/4/2021 hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của các đối

tượng này, số tiền mỗi lần đánh bạc dưới 5.000.000đ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thị Kim C1, Trần Thị C2** phạm tội: **“Đánh bạc”**

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Thị Kim C1 01 (một) năm** cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim C1 cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước cho bị cáo Nguyễn Thị Kim C1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Trần Thị C2 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2021.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả tự do ngay tại phiên tòa nếu bị cáo Trần Thị C2 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* **Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim C1 **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng); bị cáo Trần Thị C2 **10.000.000đ** (mười triệu đồng).

* **Về vật chứng:** Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu xám; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu hồng; 01 điện thoại Nokia-105 màu đen.

(Số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2021)

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.000.000đ của bị cáo C1 (không liên quan đến việc đánh bạc) để đảm bảo cho công tác thi hành án.

(Số tiền trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L quản lý theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/7/2021)

+ Buộc bị cáo C nộp và sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.115.000đ.

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND TP.LK;
- CA TP.LK;
- THA TP.LK;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải